

Số: 4837 /QĐ-UBND

Quận 6, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán chi ngân sách quý 3
và 9 tháng đầu Năm 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Xét đề xuất của phòng Tài chính Kế hoạch Quận 6 tại Công văn số 4986./TCKH ngày 15.. tháng 10.. năm 2024 về việc công khai số liệu bổ sung dự toán chi ngân sách quý 3 và 9 tháng đầu năm 2024 của Quận 6;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán chi ngân sách quý 3 và 9 tháng đầu năm 2024 của Quận 6 theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 6, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 6 và thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND TP.HCM;
- Sở Tài chính TP.HCM;
- Quận ủy Q6;
- UBND: CT, các PCT;
- Các phòng, ban thuộc UBND Q6;
- Các tổ chức đoàn thể Q6;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Quận;
- UBND 14 phường;
- VP. UBND: CPVP, TH;
- Lưu: VT; Phụng/TCKH.



Lê Thị Thanh Thảo

BÁO CÁO THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH QUẬN
QUÝ 3 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

*(Kèm theo Quyết định số 4837 /QĐ-UBND ngày 15 / 10 /2024
của Ủy ban nhân dân Quận 6)*

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách, Ủy ban nhân dân Quận 6 công khai số liệu và báo cáo thuyết minh tình hình chi ngân sách quận quý 3 và 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

Tổng chi ngân sách Quận 6 thực hiện quý 3 năm 2024 là 300,019 tỷ đồng, đạt 23,33% dự toán được giao (1.285,750 tỷ đồng) và tăng 11,249% so cùng kỳ (269,683 tỷ đồng).

Tổng chi ngân sách Quận 6 thực hiện 9 tháng đầu năm 2024 là 787,934 tỷ đồng, đạt 61,28% dự toán được giao (1.285,750 tỷ đồng) và tăng 14,38% so cùng kỳ (688,876 tỷ đồng).

Số liệu chi tiết theo Biểu 3 đính kèm

Trong quý 3 và 9 tháng đầu năm 2024, Quận 6 tiếp tục điều hành chi ngân sách theo đúng dự toán được duyệt, đảm bảo đúng chế độ, định mức quy định trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Biểu số 3
(Thông tư 90/2018/TT-BTC)

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số 4837/.../QĐ-UBND ngày 15/.../2024 của Ủy ban nhân dân Quận 6)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 3/2024			9 tháng đầu năm 2024		
			Thực hiện Quý 3	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí							
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.285.750	300.019	23,33	111,249	787.934	61,28	114,38
A	Chi ngân sách quận		251.554			665.701		
1	Chi quản lý hành chính		19.358			53.800		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		9.833			29.056		
	Khối Quản lý nhà nước		8.223			24.493		
	Văn phòng Ủy ban nhân dân		1.977			5.390		
	Phòng Tư pháp		380			1.037		
	Phòng Tài chính - Kế hoạch		707			2.301		
	Đội Quản lý trật tự đô thị		1.087			4.203		
	Phòng Kinh tế		364			1.319		
	Phòng Giáo dục - Đào tạo		823			2.268		
	Phòng Y Tế		362			997		
	Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội		538			1.561		
	Phòng Văn hóa thông tin		413			1.046		
	Phòng Tài nguyên - Môi trường		613			1.671		
	Phòng Nội vụ		521			1.525		
	Thanh tra		437			1.173		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 3/2024			9 tháng đầu năm 2024		
			Thực hiện Quý 3	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)
	Khối Đoàn thể		1.611			4.563		
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Quận 6		286			1.180		
	Hội Cựu Chiến binh Quận 6		183			496		
	B.C.H Hội Liên hiệp Phụ nữ Quận 6		406			1.296		
	BCH Đoàn Quận 6		737			1.590		
1.2	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>		9.524			24.745		
	Khối Quản lý nhà nước		8.031			21.075		
	Văn phòng Ủy ban nhân dân		1.954			3.903		
	Phòng Tư pháp		317			753		
	Phòng Tài chính - Kế hoạch		800			1.507		
	Đội Quản lý trật tự đô thị		1.643			2.537		
	Phòng Kinh tế		499			807		
	Phòng Giáo dục - Đào tạo		717			1.403		
	Phòng Y Tế		241			596		
	Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội		513			1.381		
	Phòng Văn hóa thông tin		357			860		
	Phòng Tài nguyên - Môi trường		420			861		
	Phòng Nội vụ		375			5.911		
	Thanh tra		196			557		
	Khối Đoàn thể		1.493			3.670		
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Quận 6		713			1.672		
	Hội Cựu Chiến binh Quận 6		228			417		
	B.C.H Hội Liên hiệp Phụ nữ Quận 6		553			935		
	BCH Đoàn Quận 6					645		
2	Nghiên cứu khoa học					-		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		168.452	-		435.483		
3.1	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>		101.895			275.096		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 3/2024			9 tháng đầu năm 2024		
			Thực hiện Quý 3	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)
	Khối Giáo dục		101.895			275.096		
	<i>Mầm non</i>		<i>21.286</i>			<i>57.661</i>		
	Mầm non Rạng Đông 1		1.071			2.988		
	Mầm non Rạng Đông 2		825			2.318		
	Mầm non Rạng Đông 3		925			2.544		
	Mầm non Rạng Đông 4		1.469			4.603		
	Mầm non Rạng Đông 5		1.006			2.865		
	Mầm non Rạng Đông 5A		1.115			2.874		
	Mầm non Rạng Đông 6		895			2.479		
	Mầm non Rạng Đông 6A		794			2.268		
	Mầm non Rạng Đông 7		993			2.655		
	Mầm non Rạng Đông 8		766			2.018		
	Mầm non Rạng Đông 9		1.480			3.890		
	Mầm non Rạng Đông 10		1.636			4.389		
	Mầm non Rạng Đông 11		1.324			3.401		
	Mầm non Rạng Đông 11A		1.573			4.135		
	Mầm non Rạng Đông 12		1.120			3.085		
	Mầm non Rạng Đông 13		1.131			2.976		
	Mầm non Rạng Đông 14		1.336			3.363		
	Mầm non Rạng Đông Quận 6		1.828			4.812		
	<i>Tiểu học</i>		<i>45.401</i>			<i>124.600</i>		
	TH Bình Tiên		1.298			3.727		
	TH Kim Đồng		2.340			6.095		
	TH Nguyễn Huệ		3.579			8.696		
	TH Phú Đồng		3.168			8.524		
	TH Châu Văn Liêm		2.078			5.575		
	TH Lê Văn Tám		2.847			7.626		
	TH Đặng Nguyên Cẩn		1.795			5.701		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 3/2024			9 tháng đầu năm 2024		
			Thực hiện Quý 3	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)
	TH Him Lam		1.908			6.048		
	TH Nguyễn Văn Luông		2.085			6.698		
	TH Hy Vọng		960			2.960		
	TH Nguyễn Thiện Thuật		1.164			3.053		
	TH Lam Sơn		3.431			8.983		
	TH Chi Lăng		2.223			6.152		
	TH Phú Lâm		4.036			10.866		
	TH Phú Định		2.937			7.544		
	TH Phạm Văn Chí		2.200			7.184		
	TH Trương Công Định		2.067			4.722		
	TH Hùng Vương		1.990			5.553		
	TH Võ Văn Tần		2.267			5.886		
	TH Nhật Tảo		1.029			3.008		
	Trung học cơ sở		33.780			89.152		
	THCS Bình Tây		3.860			9.879		
	THCS Phạm Đình Hổ		3.428			9.199		
	THCS Nguyễn Văn Luông		4.420			11.783		
	THCS Lam Sơn		4.187			11.234		
	THCS Hoàng Lê Kha		2.456			7.346		
	THCS Văn Thân		3.733			7.741		
	THCS Phú Định		3.650			10.109		
	THCS Đoàn Kết		2.458			7.026		
	THCS Nguyễn Đức Cảnh		2.576			6.613		
	THCS Hậu Giang		3.012			8.223		
	THCS Nguyễn Thái Bình					-		
	Khác		1.427			3.683		
	Bồi Dưỡng Giáo Dục					-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 3/2024			9 tháng đầu năm 2024		
			Thực hiện Quý 3	Thực hiện với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Thực hiện với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)
	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên		1.427			3.683		
	Phòng Giáo dục					-		
	Khối Sự nghiệp có thu khác					-		
	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị					-		
3.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>		66.557			160.385		
	- Hội Liên hiệp Phụ nữ		4			4		
	- Phòng Nội Vụ		32			39		
	- Văn phòng Ủy ban nhân dân		20			20		
	- Phòng Y tế		4			4		
	- Thanh tra		2			2		
	- Phòng Giáo dục và Đào tạo		367			367		
	- Phòng Kinh tế		4			4		
	- Phòng Tài chính - Kế hoạch		32			32		
	- Phòng Quản lý đô thị		2			2		
	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		293			1.206		
	- Khối Giáo dục		65.797			158.705		
	<i>Mầm non</i>		18.423			41.745		
	Mầm non Rạng Đông 1		721			1.707		
	Mầm non Rạng Đông 2		1.165			2.019		
	Mầm non Rạng Đông 3		773			1.522		
	Mầm non Rạng Đông 4		1.397			2.309		
	Mầm non Rạng Đông 5		789			2.030		
	Mầm non Rạng Đông 5A		1.097			2.206		
	Mầm non Rạng Đông 6		603			1.366		
	Mầm non Rạng Đông 6A		562			1.627		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 3/2024			9 tháng đầu năm 2024		
			Thực hiện Quý 3	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)
	Mầm non Rạng Đông 7		588			2.186		
	Mầm non Rạng Đông 8		572			1.328		
	Mầm non Rạng Đông 9		1.007			3.044		
	Mầm non Rạng Đông 10		1.777			3.515		
	Mầm non Rạng Đông 11		1.408			2.613		
	Mầm non Rạng Đông 11A		1.047			3.156		
	Mầm non Rạng Đông 12		532			2.124		
	Mầm non Rạng Đông 13		1.188			2.388		
	Mầm non Rạng Đông 14		1.318			2.897		
	Mầm non Rạng Đông Q6		1.880			3.707		
	Tiểu học		20.428			40.297		
	TH Bình Tiên		531			1.502		
	TH Kim Đồng		1.049			3.047		
	TH Nguyễn Huệ		181			264		
	TH Phù Đồng		2.056			3.931		
	TH Châu Văn Liêm		993			2.314		
	TH Lê Văn Tám		474			655		
	TH Đặng Nguyễn Cẩn		1.044			1.521		
	TH Him Lam		922			922		
	TH Nguyễn Văn Luồng		976			979		
	TH Hy Vọng		347			347		
	TH Nguyễn Thiện Thuật		507			1.115		
	TH Lam Sơn		1.813			3.970		
	TH Chi Lăng		1.454			2.543		
	TH Phú Lâm		2.193			4.874		
	TH Phú Định		1.538			3.594		
	TH Phạm Văn Chí		1.113			1.113		
	TH Trương Công Định		689			1.555		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 3/2024			9 tháng đầu năm 2024		
			Thực hiện Quý 3	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)
	TH Hùng Vương		919			2.548		
	TH Võ Văn Tần		1.005			2.379		
	TH Nhật Tảo		624			1.124		
	<i>Trung học cơ sở</i>		26.665			75.432		
	THCS Bình Tây		3.041			9.105		
	THCS Phạm Đình Hồ		5.542			7.270		
	THCS Nguyễn Văn Luông		4.042			11.163		
	THCS Lam Sơn		1.085			8.734		
	THCS Hoàng Lê Kha		2.044			6.661		
	THCS Văn Thân		2.149			4.911		
	THCS Phú Định		2.462			7.552		
	THCS Đoàn Kết		1.485			5.236		
	THCS Nguyễn Đức Cảnh		1.568			6.139		
	THCS Hậu Giang		2.314			7.318		
	THCS Nguyễn Thái Bình		933			1.342		
	<i>Khác</i>		281			1.231		
	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên		281			1.231		
	Phòng Giáo dục					-		
	<i>Khối Sự nghiệp có thu khác</i>		-			-		
	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị					-		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		19.220			50.584		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		6.176			16.783		
	- Phòng Y tế					-		
	- Trung tâm y tế		6.176			16.783		
	- Bệnh viện					-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 3/2024			9 tháng đầu năm 2024		
			Thực hiện Quý 3	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		13.044			33.800		
	- Trung tâm y tế		4.720			9.955		
	- Phòng Lao động Thương binh Xã hội		7.834			22.491		
	- Phòng Y tế		490			1.354		
	- Bệnh viện					-		
	- Trung tâm Văn hóa thể thao					-		
5	Chi bảo đảm xã hội		14.769			59.062		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					-		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		14.769			59.062		
	- Phòng Lao động Thương binh Xã hội		14.632			58.854		
	- Phòng Tài chính Kế hoạch		77			147		
	- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình		60			60		
6	Chi hoạt động kinh tế		17.524			25.316		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-			-		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		17.524			25.316		
	- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình					3.060		
	- Phòng Quản lý đô thị		10.235			10.836		
	- Phòng Tài nguyên Môi trường		519			519		
	- Công an Q6		101			183		
	- BQL chợ Bình Tiên		257			369		
	- BQL chợ Minh Phụng		101			202		
	- BQL chợ Phú Lâm		401			401		
	- Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Q6		1.209			2.620		
	- Ban Quản lý công viên		4.701			7.126		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		3.476			22.597		
7.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					-		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		3.476			22.597		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 3/2024			9 tháng đầu năm 2024		
			Thực hiện Quý 3	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)
	- Phòng Tài nguyên môi trường		98			137		
	- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình		3.378			22.460		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		2.234			5.074		
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-			2.786		
	- Trung tâm Văn hóa thể thao					2.482		
	- Nhà Thiếu nhi					304		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.234			2.288		
	- Trung tâm Văn hóa thể thao					54		
	- Nhà Thiếu nhi	0	-			-		
	- Phòng Văn hóa và Thông tin	0	2.234			2.234		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin					-		
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					-		
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					-		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		4.125			4.375		
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					-		
	- Trung tâm Thể dục Thể thao					-		
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		4.125			4.375		
	- Trung tâm Thể dục Thể thao		4.125			4.375		
11	Chi hỗ trợ các hội đặc thù		409			1.183		
11.1	Hội chữ thập đỏ		323			876		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		309			834		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		14			41		
11.2	Hội luật gia		12			86		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					-		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		12			86		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 3/2024			9 tháng đầu năm 2024		
			Thực hiện Quý 3	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)
11.3	Hội cựu TNXP		37			111		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					-		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		37			111		
11.4	Hội khuyến học		37			111		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					-		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		37			111		
11.5	Hội Người cao tuổi		-			-		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					-		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					-		
12	Chi an ninh quốc phòng		1.566			7.805		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					-		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1.566			7.805		
	- Ban chỉ huy Quân sự Quận 6		762			4.795		
	- Công an Quận 6		804			3.010		
13	Hỗ trợ ngành dọc		423			423		
	Phòng Tài chính Kế hoạch		85			85		
	Tòa án		58			58		
	Viện Kiểm sát		38			38		
	Chi cục thuế		202			202		
	Thị hành án		34			34		
	Chi cục thống kê		7			7		
B	Phường		48.465			122.231		
1	Phường 1		2.922			7.865		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1075			2.987		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1.847			4.878		
2	Phường 2		3.030			7.866		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		924			2.549		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.106			5.317		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 3/2024				9 tháng đầu năm 2024		
			Thực hiện Quý 3	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	
3	Phường 3		3.112			7.692			
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.199			2.965			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1.913			4.727			
4	Phường 4		3.057			8.055			
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.067			3.128			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1.990			4.928			
5	Phường 5		3.232			8.093			
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.167			2.974			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.065			5.117			
6	Phường 6		3.543			9.211			
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.110			4.235			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.433			4.975			
7	Phường 7		3.304			8.097			
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.080			3.101			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.224			4.996			
8	Phường 8		3.715			9.203			
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.088			3.083			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.627			6.119			
9	Phường 9		3.393			8.373			
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.157			3.066			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.236			5.307			
10	Phường 10		4.034			10.337			
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.078			3.154			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.956			7.183			
11	Phường 11		3.996			9.060			
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.206			2.971			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.790			6.089			
12	Phường 12		3.706			9.888			
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1045			2.985			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.661			6.903			

THị trấn

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 3/2024			9 tháng đầu năm 2024		
			Thực hiện Quý 3	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Thực hiện so với dự toán (%)	Thực hiện so cùng kỳ (%)
13	Phường 13		3.890			9.680		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.109			3.032		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.781			6.648		
14	Phường 14		3.531			8.812		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1325,58			3.102		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.206			5.710		

